

**LỊCH THI ĐỢT 4 CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016**

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Stt	M.nhóm	Tổ	Ngày thi	Ph.thi	Tiết.BĐ	S.tiết	Mã môn	số TC	Học phần	Giáo viên giảng dạy		Bộ môn
1	K51T6	1	29/12/2015	SVĐ	1	3	TCV001		Giáo dục thể chất 1	Vũ Thế	Khiêm	BM Giáo dục thể chất
2	K51T3	1	29/12/2015	SVĐ	5	3	TCV001		Giáo dục thể chất 1	Vũ Thế	Khiêm	BM Giáo dục thể chất
3	K51AP	1	30/12/2015	A9.101	1	2	MLV001	2	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1	Nguyễn Thị	Nường	BM Lý luận chính trị
4	K51AP	2	30/12/2015	A9.102	1	2	MLV001	2	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1	Nguyễn Thị	Nường	BM Lý luận chính trị
5	K51AP	3	30/12/2015	A9.304	1	2	MLV001	2	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1	Nguyễn Thị	Nường	BM Lý luận chính trị
6	K51AP1	1	05/01/2016	A9.301	1	2	ENG001		Kỹ năng Nghe, đọc, viết	Phạm Ngọc	Duy	BM Ngoại ngữ
7	K51AP2	1	05/01/2016	A9.302	1	2	ENG001		Kỹ năng Nghe, đọc, viết	Hoàng Hương	Ly	BM Ngoại ngữ
8	K51AP3	1	05/01/2016	A9.303	1	2	ENG001		Kỹ năng Nghe, đọc, viết	Nguyễn Thị Thu	Linh	BM Ngoại ngữ
9	K51AP4	1	05/01/2016	A9.304	1	2	ENG001		Kỹ năng Nghe, đọc, viết	Phùng Thị Thu	Hà	BM Ngoại ngữ
10	K51AP1	1	05/01/2016	A9.201	1	2	ENG001		Kỹ năng Nói	Phạm Ngọc	Duy	BM Ngoại ngữ
11	K51AP2	1	05/01/2016	A9.202	1	2	ENG001		Kỹ năng Nói	Hoàng Hương	Ly	BM Ngoại ngữ
12	K51AP3	1	05/01/2016	A9.203	1	2	ENG001		Kỹ năng Nói	Nguyễn Thị Thu	Linh	BM Ngoại ngữ
13	K51AP4	1	05/01/2016	A9.204	1	2	ENG001		Kỹ năng Nói	Phùng Thị Thu	Hà	BM Ngoại ngữ
14	K47PI	1	28/01/2016	A9.101	1	2	ECEN474	3	Giới thiệu mô hình và công nghệ y sinh	Vũ Đức	Tân	BM tự động hóa
15	50PI	1	28/01/2016	A9.101	7	8	PHY001	4	Vật lý đại cương 1	Ngô Trọng	Hải	BM KHTN GDBTA
16	50PM	1	28/01/2016	A9.102	7	8	PHY001	4	Vật lý đại cương 1	Ngô Trọng	Hải	BM KHTN GDBTA

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỢP TÁC ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

ThS. Đỗ Lệ Hà



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Vật lý đại cương 1 (PHY001)** - Số Tín Chỉ: **4**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 50PM - Tổ 001 - Đợt 4**

Ngày Thi **Tiết ĐĐ** - Số Tiết **Phòng thi**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SĐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K145520103238	TRẦN CHUẨN	CHIÊU	26/09/96	118114151					
2	K145905218006	ĐÀM XUÂN	DUY	04/06/96	118114151					
3	K125520103264	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	05/10/94	118112111					
4	K145580201011	LƯƠNG BẰNG	GIANG	18/02/92	118114151					
5	K145520103019	NGUYỄN ĐÌNH	HÙNG	03/11/96	118114151					
6	K145520103314	HOÀNG VĂN	HUYNH	04/02/96	118114151					
7	K145510202007	ĐẶNG LÊ	HƯNG	06/09/96	118114151					
8	K145905218008	LÊ PHƯỚC	KHÁNH	16/09/96	118114151					
9	K145520103190	TRẦN TUẤN	MINH	17/12/96	118114151					
10	K145520103364	NINH VĂN	NAM	03/03/96	118114151					
11	K145520103269	TRẦN NGỌC	NAM	23/05/96	118114151					
12	K145520201054	PHẠM MINH	QUANG	07/10/96	118114431					
13	K145905218012	TRẦN	SÙNG	29/11/95	118114151					
14	K145520103280	TRỊNH NGỌC	TÂN	08/11/96	118114151					
15	K145520103143	HOÀNG VĂN	THẮNG	03/06/96	118114151					
16	K145140214016	NGUYỄN CÔNG	TRÌNH	07/09/96	118114151					
17	K145905218017	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	02/08/96	118114151					
18	K145905218020	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	12/07/96	118114151					
19	K145905218015	DƯƠNG VĂN	TUẤN	18/08/96	118114151					
20	K145520216133	NGUYỄN VĂN	VIỆT	14/10/93	118114151					
21	K145520103229	CHU THẾ	VŨ	15/11/96	118114151					

Số S/V Trong Danh Sách: 21 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày _____ tháng _____ năm 201__
NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học GT mô hình và hệ thống công nghệ y sinh (ECEN474) - Số Tín Chỉ: 3

Nhóm Thi Nhóm Thi 47PI - Tổ 001 - Đợt 4

Ngày Thi Tiết BD - Số Tiết Phòng thi

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SốT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	DTK1151030067	BÙI HUY	BÌNH	30/04/91	118111411					
2	DTK1151020008	BÙI TRUNG	DOANH	14/02/93	118111411					
3	DTK1151020070	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	06/06/93	118111411					Cấm Thi
4	DTK1151020001	DƯ NGỌC	ĐĂNG	04/12/93	118111411					
5	DTK1151020074	NGUYỄN MẠNH	HÀI	05/11/93	118111411					
6	DTK1051020025	LƯƠNG TRUNG	HIẾU	18/08/92	118110411					
7	DTK1151020189	NGUYỄN KHẮC	HỒNG	22/06/92	118111411					
8	DTK1151030288	THÂN THỊ	HUẾ	10/10/92	118111411					
9	DTK1151020033	PHAN VĂN	MẬU	03/09/93	118111411					
10	DTK1151030040	NGUYỄN HỮU	QUÂN	18/07/93	118111411					
11	CPC105011	CHAN	SAVON	19/06/88	118111411					
12	DTK1151010364	ĐÀO VĂN	THẮNG	26/09/93	118111411					
13	DTK1151030047	TRƯƠNG NGỌC	THẮNG	19/02/93	118111411					
14	DTK1151020333	LÊ VĂN	THỌ	01/02/93	118111411					
15	DTK1151030109	TRẦN QUỐC	TOÀN	05/09/93	118111411					
16	DTK1051020162	TỔNG VĂN	TUYẾN	12/10/91	118111411					

Số S/V Trong Danh Sách: 16 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Môn Học **Vật lý đại cương 1 (PHY001)** - Số Tín Chỉ: 4

Nhóm Thi **Nhóm Thi 50PI - Tổ 001 - Đợt 4**

Ngày Thi **Tiết BD - Số Tiết** Phòng thi

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
1	K145520320005	LÊ MỸ	ANH	26/12/96	118114431					
2	K145520201008	LÊ XUÂN	ANH	12/11/96	118114431					
3	K145905208013	NGUYỄN VIỆT	ANH	26/01/96	118114431					
4	K145140214010	VŨ THỊ LAN	ANH	07/05/95	118114431					
5	K125520103456	NGUYỄN BÙI THẾ	BẢO	09/10/94	118112111					
6	K145520103311	LƯƠNG ĐẮC	BẰNG	28/11/96	118114151					
7	K145520103312	NGUYỄN VĂN	CHỨC	09/05/96	118114151					
8	K145520216202	VĂN DUY	CƯỜNG	22/01/96	118114431					
9	K145520114070	ĐẶNG QUỐC	CƯỜNG	25/04/96	118114431					
10	HQ1452020102	NGUYỄN ĐẮC	DƯƠNG	25/09/96	HQ22K.01					
11	K145520207054	NGUYỄN VĂN	ĐỒNG	17/05/96	118114431					
12	K145520207170	TRẦN NGÔ	GIANG	12/02/96	118114431					
13	K125520201250	PHÙNG THANH	HẢI	10/06/94	118112411					
14	K145520207008	VŨ THỊ	HẰNG	29/09/96	118114431					
15	K145580201013	NGUYỄN VĂN	HẬU	12/08/96	118114431					
16	K145905228002	DƯƠNG VĂN	HIỆP	05/08/96	118114431					
17	K145520216155	DƯƠNG TRUNG	HIẾU	24/06/96	118114431					
18	K145520201192	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	27/10/96	118114431					
19	K145520201202	TRƯƠNG HOÀNG	LINH	28/04/96	118114431					
20	K145905228019	NGUYỄN HOÀNG	LƯƠNG	07/02/95	118114431					
21	K145520216204	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	07/11/96	118114431					
22	K145905228021	NÔNG KIM	NGÂN	16/10/96	118114431					
23	CPC115007	KET	NORIN	18/04/94	118112411					
24	K145520201051	TRẦN VĂN	PHÚ	21/10/96	118114431					
25	K125580201041	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	25/12/94	118112411					
26	K145520216180	NGUYỄN TRỌNG	QUÝ	23/08/96	118114431					
27	HQ1452020106	ĐOÀN DUY	QUỲNH	21/06/96	HQ22K.01					
28	K145520216046	NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	07/05/96	118114431					
29	K145520216181	ĐOÀN HỒNG	SƠN	11/01/96	118114431					
30	K145905228010	NGUYỄN VĂN	THÀNH	16/01/97	118114431					

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học **Vật lý đại cương 1 (PHY001) - Số Tín Chỉ: 4**

Nhóm Thi **Nhóm Thi 50PI - Tổ 001 - Đợt 4**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	SỐT	Chữ Ký	Điểm	Điểm	Ghi Chú
31	K145905228028	HOÀNG VĂN THỊNH	17/08/96	118114431					
32	K145520201156	PHẠM VĂN THỦY	20/07/96	118114431					
33	K145510604049	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	19/03/96	118114431					
34	K145520103397	LÊ THÀNH TRÍ	17/11/96	118114151					
35	K125520114102	HOÀNG THANH TÚ	05/12/94	118112411					
36	K145520114113	HOÀNG TIẾN TUẤN	22/12/96	118114431					
37	K145520201067	LÊ ANH TUẤN	11/07/96	118114151					
38	K145520201062	NGUYỄN MẠNH TÙNG	19/12/96	118114431					
39	K145510301063	TRƯƠNG ĐỨC TÙNG	23/03/96	118114431					
40	K125510601029	GIÁP VĂN VÂN	11/04/93	118112111					

Số S/V Trong Danh Sách: 40 . Số S/V Dự Thi : _____

TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

CB COI THI (CHẤM THI) 1

Ngày tháng năm 201__

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phượng

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB COI THI (CHẤM THI) 2

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Giáo dục thể chất 1
Lớp học phần: K51T3
Ngày thi: 29/12/2015

Mã môn: TCV001

Phòng thi: SVĐ

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155520103232	Tạ Đình	Hào	04/07/1996					
2	K155520103283	Đỗ Văn	Cường	14/1/1996					
3	K155520103284	Nguyễn Duy	Phong	05/05/1997					
4	K155520201062	Hoàng Thị Lan	Anh	25/05/1997					
5	K155520201240	Tường Duy	Tùng	09/06/1997					
6	K155520207121	Giáp Thị	Anh	03/12/1997					
7	K155520216022	Giang Đức	Hiệp	29/01/1997					
8	K155520216237	Hoàng Đình	Nghĩa	17/06/1997					
9	K155580201006	Đoàn Văn	Duy	18/09/1997					
10	K155905218004	Đặng Quang	Đức	25/12/1997					
11	K155905218005	Lương Trường	Giang	08/05/1997					
12	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	29/10/1997					
13	K155905218008	Đào Minh	Hiếu	06/01/1997					
14	K155905218011	Đình Công	Hoàng	03/07/1997					
15	K155905218016	Hoàng Văn	Nghiệp	17/09/1997					
16	K155905218017	Ngô Quang	Phụng	14/09/1997					
17	K155905218020	Ma Thế	Sơn	24/12/1997					
18	K155905218028	Lê Công	Trường	06/07/1997					
19	K155905218031	Trần Quang	Huy	20/4/1997					
20	K155905218032	Phạm Văn	Cường	09/11/1997					
21	K155905218034	Kiều Hoàng	Nam	09/01/1997					
22	K155905218035	Nguyễn Minh	Đức	25/12/1997					
23	K155905228001	Lý Văn	Anh	17/01/1997					
24	K155905228003	Đỗ Văn	Cao	25/05/1997					
25	K155905228005	Đặng Quang	Cường	16/08/1997					
26	K155905228007	Nguyễn Văn	Đại	18/08/1997					
27	K155905228008	Phạm Trung	Đoàn	08/12/1997					
28	K155905228011	Quách Văn	Đức	02/10/1997					
29	K155905228012	Lê Thị	Giang	20/06/1997					
30	K155905228014	Nguyễn Văn	Hậu	03/02/1997					

31	K155905228015	Trần Đức	Hiếu	11/05/1997					
32	K155905228016	Hứa Trịnh	Hoàng	12/08/1997					
33	K155905228017	Đỗ Văn	Hùng	20/03/1997					
34	K155905228018	Nguyễn Văn	Hùng	05/06/1997					
35	K155905228020	Đổng Thị Thu	Hương	07/12/1997					
36	K155905228022	Phạm Tiến	Huy	17/02/1997					
37	K155905228023	Triệu Quang	Khải	25/08/1997					
38	K155905228025	Hồ Thanh	Mai	30/08/1997					
39	K155905228029	Đỗ Thị Yến	Nhi	18/02/1997					
40	K155905228030	Triệu Thị Minh	Phương	12/07/1997					
41	K155905228031	Đoàn Minh	Quang	16/10/1997					
42	K155905228033	Nguyễn Việt	Thắng	21/09/1997					
43	K155905228036	Khúc Thành	Trường	19/10/1997					
44	K155905228037	Trần Văn	Tú	19/09/1997					
45	K155905228040	Ngô Quang	Vũ	08/01/1997					
46	K155905228041	Trần Thị	Yến	19/11/1997					
47	K155905228043	Lê Thanh	Hà	04/10/1996					
48	K155905228044	Hứa Đức	Huy	27/10/1997					
49	K155905228046	Trần Thái	Đức	21/01/1997					

Ấn định danh sách: 49 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Giáo dục thể chất 1
Lớp học phần: K51T6
Ngày thi: 29/12/2015

Mã môn: TCV001

Phòng thi: SVĐ

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	HQ1552020101	Thái Việt	Anh	18/11/1997					
2	HQ1552020102	Nguyễn Thị	Hằng	19/12/1997					
3	HQ1552020103	Nguyễn Đức	Mạnh	09/06/1996					
4	HQ1552020104	Nguyễn Văn	Phú	26/9/1997					
5	K155520103148	Nguyễn Văn	Công	08/01/1997					
6	K155520103252	Vũ Phương	Nam	21/3/1997					
7	K155520201074	Nguyễn Trọng	Dương	11/10/1997					
8	K155520207058	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/12/1997					
9	K155520207114	Nguyễn Thị	Tươi	02/03/1997					
10	K155520207118	Nguyễn Tiến	Đạt	12/01/1997					
11	K155520214001	Nguyễn Thành	Ân	23/05/1997					
12	K155520216154	Nguyễn Văn	Hiền	18/03/1997					
13	K155905218002	Nguyễn Thanh	Bằng	01/06/1997					
14	K155905218003	Nguyễn Ngọc	Đại	16/02/1997					
15	K155905218006	Phạm Tấn	Hải	04/11/1997					
16	K155905218009	Nguyễn Trung	Hiếu	02/03/1997					
17	K155905218010	Phạm Xuân	Hòa	04/03/1997					
18	K155905218012	Nguyễn Việt	Hùng	22/01/1997					
19	K155905218013	Ngô Thành	Long	07/11/1997					
20	K155905218014	Nguyễn Hưng	Long	01/05/1997					
21	K155905218015	Phạm Doanh	Nghiêm	22/12/1997					
22	K155905218018	Trịnh Hồng	Quân	12/02/1997					
23	K155905218021	Nguyễn Thanh	Sơn	21/11/1997					
24	K155905218022	Vũ Quang	Thắng	20/10/1997					
25	K155905218023	Nguyễn văn	Thuận	25/12/1997					
26	K155905218024	Nguyễn Thương	Thương	03/09/1997					
27	K155905218025	Phạm Thị	Thúy	08/09/1997					
28	K155905218027	Vũ Văn	Trung	18/08/1997					
29	K155905218029	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1997					
30	K155905218030	Nguyễn Quốc	Việt	04/05/1997					
31	K155905218033	Nguyễn Minh	Hoàng	26/07/1997					
32	K155905228002	Nguyễn Thiên Trang	Anh	16/12/1997					
33	K155905228004	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	16/07/1997					

34	K155905228006	Nguyễn Quốc Cường	Đức	12/03/1997					
35	K155905228009	Nguyễn Minh Đức	Đức	28/11/1997					
36	K155905228010	Nguyễn Thế Đức	Đức	17/06/1997					
37	K155905228013	Nguyễn Nông Giang	Giang	05/07/1997					
38	K155905228019	Nguyễn Nam Hưng	Hưng	26/04/1994					
39	K155905228021	Nguyễn Quốc Huy	Huy	14/09/1997					
40	K155905228024	Nguyễn Ngọc Khánh	Khánh	08/01/1997					
41	K155905228028	Nguyễn Thị Nguyệt	Nguyệt	22/09/1997					
42	K155905228032	Nguyễn Văn Sao	Sao	21/04/1997					
43	K155905228035	Nguyễn Trọng Toàn	Toàn	04/08/1997					
44	K155905228038	Nguyễn Anh Tuấn	Tuấn	14/01/1997					
45	K155905228039	Nguyễn Sỹ Tường	Tường	28/01/1997					
46	K155905228042	Nguyễn Văn Hải	Hải	06/09/1997					
47	K155905228045	Nguyễn Tiến Ninh	Ninh	28/9/1997					

Ấn định danh sách: 47 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155905228001	Lý Văn	Anh	17/01/1997					
2	K155905228002	Nguyễn Thiên Trang	Anh	16/12/1997					
3	K155905228003	Đỗ Văn	Cao	25/05/1997					
4	K155905228004	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	16/07/1997					
5	K155905228005	Đặng Quang	Cường	16/08/1997					
6	K155905228006	Nguyễn Quốc	Cường	12/03/1997					
7	K155905228007	Nguyễn Văn	Đại	18/08/1997					
8	K155905228008	Phạm Trung	Đoàn	08/12/1997					
9	K155905228009	Nguyễn Minh	Đức	28/11/1997					
10	K155905228010	Nguyễn Thế	Đức	17/06/1997					
11	K155905228011	Quách Văn	Đức	02/10/1997					
12	K155905228012	Lê Thị	Giang	20/06/1997					
13	K155905228013	Nguyễn Nông	Giang	05/07/1997					
14	K155905228014	Nguyễn Văn	Hậu	03/02/1997					
15	K155905228015	Trần Đức	Hiếu	11/05/1997					
16	K155905228016	Hứa Trịnh	Hoàng	12/08/1997					
17	K155905228017	Đỗ Văn	Hùng	20/03/1997					
18	K155905228018	Nguyễn Văn	Hùng	05/06/1997					
19	K155905228019	Nguyễn Nam	Hưng	26/04/1994					
20	K155905228020	Đông Thị Thu	Hương	07/12/1997					
21	K155905228021	Nguyễn Quốc	Huy	14/09/1997					
22	K155905228022	Phạm Tiến	Huy	17/02/1997					
23	K155905228023	Triệu Quang	Khải	25/08/1997					
24	K155905228024	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/01/1997					
25	K155905228025	Hồ Thanh	Mai	30/08/1997					
26	K155905228028	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/09/1997					
27	K155905228029	Đỗ Thị Yên	Nhi	18/02/1997					

28	K155905228030	Triệu Thị Minh	Phương	12/07/1997					
29	K155905228031	Đoàn Minh	Quang	16/10/1997					
30	K155905228032	Nguyễn Văn	Sao	21/04/1997					
31	K155905228033	Nguyễn Việt	Thăng	21/09/1997					
32	K155905228035	Nguyễn Trọng	Toàn	04/08/1997					

Ấn định danh sách: 32 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phương

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1
Lớp học phần: K51AP
Ngày thi: 30/12/2015

Mã môn: MLV001

Phòng thi: A9.102

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155905228036	Khúc Thành	Trường	19/10/1997					
2	K155905228037	Trần Văn	Tú	19/09/1997					
3	K155905228038	Nguyễn Anh	Tuấn	14/01/1997					
4	K155905228039	Nguyễn Sỹ	Tường	28/01/1997					
5	K155905228040	Ngô Quang	Vũ	08/01/1997					
6	K155905228041	Trần Thị	Yến	19/11/1997					
7	K155905228042	Nguyễn Văn	Hải	06/09/1997					
8	K155905228043	Lê Thanh	Hà	04/10/1996					
9	K155905228044	Hứa Đức	Huy	27/10/1997					
10	K155905228045	Nguyễn Tiến	Ninh	28/9/1997					
11	K155905228046	Trần Thái	Đức	21/01/1997					
12	K155520201062	Hoàng Thị Lan	Anh	25/05/1997					
13	K155520207114	Nguyễn Thị	Tươi	02/03/1997					
14	K155520216022	Giang Đức	Hiệp	29/01/1997					
15	K155520201240	Tường Duy	Tùng	09/06/1997					
16	K155520214001	Nguyễn Thành	Ân	23/05/1997					
17	K155520216237	Hoàng Đình	Nghĩa	17/06/1997					
18	K155520216154	Nguyễn Văn	Hiền	18/03/1997					
19	K155520207121	Giáp Thị	Anh	03/12/1997					
20	K155520201074	Nguyễn Trọng	Dương	11/10/1997					
21	K155520207058	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/12/1997					
22	K155905218032	Phạm Văn	Cường	09/11/1997					
23	K155905218034	Kiều Hoàng	Nam	09/01/1997					
24	K155905218031	Trần Quang	Huy	20/4/1997					
25	K155905218002	Nguyễn Thanh	Bằng	01/06/1997					

26	K155905218003	Nguyễn Ngọc	Đại	16/02/1997					
27	K155905218004	Đặng Quang	Đức	25/12/1997					
28	K155905218005	Lương Trường	Giang	08/05/1997					
29	K155905218006	Phạm Tấn	Hải	04/11/1997					
30	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	29/10/1997					
31	K155905218008	Đào Minh	Hiếu	06/01/1997					
32	K155905218009	Nguyễn Trung	Hiếu	02/03/1997					

Ấn định danh sách: 32 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1
Lớp học phần: K51AP
Ngày thi: 30/12/2015

Mã môn: MLV001

Tổ: 003

Phòng thi: A9.304

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155905218010	Phạm Xuân	Hòa	04/03/1997					
2	K155905218011	Đinh Công	Hoàng	03/07/1997					
3	K155905218012	Nguyễn Việt	Hùng	22/01/1997					
4	K155905218013	Ngô Thành	Long	07/11/1997					
5	K155905218014	Nguyễn Hưng	Long	01/05/1997					
6	K155905218015	Phạm Doanh	Nghiêm	22/12/1997					
7	K155905218016	Hoàng Văn	Nghiệp	17/09/1997					
8	K155905218017	Ngô Quang	Phụng	14/09/1997					
9	K155905218018	Trịnh Hồng	Quân	12/02/1997					
10	K155905218020	Ma Thế	Sơn	24/12/1997					
11	K155905218021	Nguyễn Thanh	Sơn	21/11/1997					
12	K155905218022	Vũ Quang	Thắng	20/10/1997					
13	K155905218023	Nguyễn văn	Thuận	25/12/1997					
14	K155905218024	Nguyễn Thương	Thương	03/09/1997					
15	K155905218025	Phạm Thị	Thúy	08/09/1997					
16	K155905218027	Vũ Văn	Trung	18/08/1997					
17	K155905218028	Lê Công	Trường	06/07/1997					
18	K155905218029	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1997					
19	K155905218030	Nguyễn Quốc	Việt	04/05/1997					
20	K155905218035	Nguyễn Minh	Đức	25/12/1997					
21	K155905218033	Nguyễn Minh	Hoàng	26/07/1997					
22	K155520103148	Nguyễn Văn	Công	08/01/1997					
23	K155520103232	Tạ Đình	Hào	04/07/1996					
24	K155520103284	Nguyễn Duy	Phong	05/05/1997					
25	K155520103283	Đỗ Văn	Cường	14/1/1996					

26	K155520207118	Nguyễn Tiến	Đạt	12/01/1997					
27	K155520103252	Vũ Phương	Nam	21/3/1997					
28	K155580201006	Đoàn Văn	Duy	18/09/1997					
29	HQ1552020101	Thái Việt	Anh	18/11/1997					
30	HQ1552020102	Nguyễn Thị	Hằng	19/12/1997					
31	HQ1552020103	Nguyễn Đức	Mạnh	09/06/1996					
32	HQ1552020104	Nguyễn Văn	Phú	26/9/1997					

Ấn định danh sách: 32 sinh viên

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nghe, đọc, viết
Lớp học phần: K51AP1
Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001

Phòng thi: A9.301

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155905228001	Lý Văn	Anh	17/01/1997					
2	K155905228002	Nguyễn Thiên Trang	Anh	16/12/1997					
3	K155905228003	Đỗ Văn	Cao	25/05/1997					
4	K155905228004	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	16/07/1997					
5	K155905228005	Đặng Quang	Cường	16/08/1997					
6	K155905228006	Nguyễn Quốc	Cường	12/03/1997					
7	K155905228009	Nguyễn Minh	Đức	28/11/1997					
8	K155905228010	Nguyễn Thế	Đức	17/06/1997					
9	K155905228012	Lê Thị	Giang	20/06/1997					
10	K155905228013	Nguyễn Nông	Giang	05/07/1997					
11	K155905228016	Hứa Trịnh	Hoàng	12/08/1997					
12	K155905228017	Đỗ Văn	Hùng	20/03/1997					
13	K155905228019	Nguyễn Nam	Hưng	26/04/1994					
14	K155905228020	Đổng Thị Thu	Hương	07/12/1997					
15	K155905228021	Nguyễn Quốc	Huy	14/09/1997					
16	K155905228024	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/01/1997					
17	K155905228025	Hồ Thanh	Mai	30/08/1997					
18	K155905228028	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/09/1997					
19	K155905228029	Đỗ Thị Yến	Nhi	18/02/1997					
20	K155905228031	Đoàn Minh	Quang	16/10/1997					
21	K155905228035	Nguyễn Trọng	Toàn	04/08/1997					
22	K155905228036	Khúc Thành	Trường	19/10/1997					
23	K155905228038	Nguyễn Anh	Tuấn	14/01/1997					

24	K155905228039	Nguyễn Sỹ	Tường	28/01/1997					
25	K155905228046	Trần Thái	Đức	21/01/1997					
26	K155905228045	Nguyễn Tiến	Minh	28/9/1997					

Ấn định danh sách: 26 sinh viên

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nói
Lớp học phần: K51AP1
Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001
Phòng thi: A9.201

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155905228001	Lý Văn	Anh	17/01/1997					
2	K155905228002	Nguyễn Thiên Trang	Anh	16/12/1997					
3	K155905228003	Đỗ Văn	Cao	25/05/1997					
4	K155905228004	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	16/07/1997					
5	K155905228005	Đặng Quang	Cường	16/08/1997					
6	K155905228006	Nguyễn Quốc	Cường	12/03/1997					
7	K155905228009	Nguyễn Minh	Đức	28/11/1997					
8	K155905228010	Nguyễn Thế	Đức	17/06/1997					
9	K155905228012	Lê Thị	Giang	20/06/1997					
10	K155905228013	Nguyễn Nông	Giang	05/07/1997					
11	K155905228016	Hứa Trịnh	Hoàng	12/08/1997					
12	K155905228017	Đỗ Văn	Hùng	20/03/1997					
13	K155905228019	Nguyễn Nam	Hưng	26/04/1994					
14	K155905228020	Đồng Thị Thu	Hương	07/12/1997					
15	K155905228021	Nguyễn Quốc	Huy	14/09/1997					
16	K155905228024	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/01/1997					
17	K155905228025	Hồ Thanh	Mai	30/08/1997					
18	K155905228028	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/09/1997					
19	K155905228029	Đỗ Thị Yến	Nhi	18/02/1997					
20	K155905228031	Đoàn Minh	Quang	16/10/1997					
21	K155905228035	Nguyễn Trọng	Toàn	04/08/1997					
22	K155905228036	Khúc Thành	Trường	19/10/1997					
23	K155905228038	Nguyễn Anh	Tuấn	14/01/1997					

24	K155905228039	Nguyễn Sỹ	Tường	28/01/1997					
25	K155905228046	Trần Thái	Đức	21/01/1997					
26	K155905228045	Nguyễn Tiến	Minh	28/9/1997					

Ấn định danh sách: 26 sinh viên

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phượng

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nghe, viết, đọc

Lớp học phần: K51AP2

Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001

Phòng thi: A9.302

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155520216022	Giang Đức	Hiệp	29/01/1997					
2	K155520216237	Hoàng Đình	Nghĩa	17/06/1997					
3	K155905218004	Đặng Quang	Đức	25/12/1997					
4	K155905218005	Lương Trường	Giang	08/05/1997					
5	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	29/10/1997					
6	K155905218008	Đào Minh	Hiếu	06/01/1997					
7	K155905218011	Đinh Công	Hoàng	03/07/1997					
8	K155905218016	Hoàng Văn	Nghiệp	17/09/1997					
9	K155905218017	Ngô Quang	Phụng	14/09/1997					
10	K155905218020	Ma Thế	Son	24/12/1997					
11	K155905218028	Lê Công	Trường	06/07/1997					
12	K155905228007	Nguyễn Văn	Đại	18/08/1997					
13	K155905228008	Phạm Trung	Đoàn	08/12/1997					
14	K155905228011	Quách Văn	Đức	02/10/1997					
15	K155905228014	Nguyễn Văn	Hậu	03/02/1997					
16	K155905228015	Trần Đức	Hiếu	11/05/1997					
17	K155905228018	Nguyễn Văn	Hùng	05/06/1997					
18	K155905228022	Phạm Tiến	Huy	17/02/1997					
19	K155905228023	Triệu Quang	Khải	25/08/1997					
20	K155905228030	Triệu Thị Minh	Phương	12/07/1997					
21	K155905228032	Nguyễn Văn	Sao	21/04/1997					
22	K155905228033	Nguyễn Việt	Thắng	21/09/1997					

23	K155905228037	Trần Văn	Tú	19/09/1997					
24	K155905228041	Trần Thị	Yến	19/11/1997					

Ấn định danh sách: 24 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phượng

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HFĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nói
Lớp học phần: K51AP2
Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001

Phòng thi: A9.202

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155520216022	Giang Đức	Hiệp	29/01/1997					
2	K155520216237	Hoàng Đình	Nghĩa	17/06/1997					
3	K155905218004	Đặng Quang	Đức	25/12/1997					
4	K155905218005	Lương Trường	Giang	08/05/1997					
5	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	29/10/1997					
6	K155905218008	Đào Minh	Hiếu	06/01/1997					
7	K155905218011	Đinh Công	Hoàng	03/07/1997					
8	K155905218016	Hoàng Văn	Nghiệp	17/09/1997					
9	K155905218017	Ngô Quang	Phụng	14/09/1997					
10	K155905218020	Ma Thế	Sơn	24/12/1997					
11	K155905218028	Lê Công	Trường	06/07/1997					
12	K155905228007	Nguyễn Văn	Đại	18/08/1997					
13	K155905228008	Phạm Trung	Đoàn	08/12/1997					
14	K155905228011	Quách Văn	Đức	02/10/1997					
15	K155905228014	Nguyễn Văn	Hậu	03/02/1997					
16	K155905228015	Trần Đức	Hiếu	11/05/1997					
17	K155905228018	Nguyễn Văn	Hùng	05/06/1997					
18	K155905228022	Phạm Tiến	Huy	17/02/1997					
19	K155905228023	Triệu Quang	Khải	25/08/1997					
20	K155905228030	Triệu Thị Minh	Phương	12/07/1997					
21	K155905228032	Nguyễn Văn	Sao	21/04/1997					
22	K155905228033	Nguyễn Việt	Thắng	21/09/1997					

23	K155905228037	Trần Văn	Tú	19/09/1997					
24	K155905228041	Trần Thị	Yến	19/11/1997					

Ấn định danh sách: 24 sinh viên

NGƯỜI LẬP

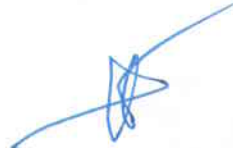


Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nghe, đọc, viết
Lớp học phần: K51AP3
Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001
Phòng thi: A9.303

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155520103148	Nguyễn Văn	Công	08/01/1997					
2	K155520103232	Tạ Đình	Hào	04/07/1996					
3	K155520201240	Tường Duy	Tùng	09/06/1997					
4	K155520214001	Nguyễn Thành	Ân	23/05/1997					
5	K155905218002	Nguyễn Thanh	Bằng	01/06/1997					
6	K155905218003	Nguyễn Ngọc	Đại	16/02/1997					
7	K155905218006	Phạm Tấn	Hải	04/11/1997					
8	K155905218009	Nguyễn Trung	Hiếu	02/03/1997					
9	K155905218010	Phạm Xuân	Hòa	04/03/1997					
10	K155905218012	Nguyễn Việt	Hùng	22/01/1997					
11	K155905218013	Ngô Thành	Long	07/11/1997					
12	K155905218014	Nguyễn Hưng	Long	01/05/1997					
13	K155905218015	Phạm Doanh	Nghiêm	22/12/1997					
14	K155905218018	Trịnh Hồng	Quân	12/02/1997					
15	K155905218021	Nguyễn Thanh	Sơn	21/11/1997					
16	K155905218022	Vũ Quang	Thắng	20/10/1997					
17	K155905218023	Nguyễn văn	Thuận	25/12/1997					
18	K155905218024	Nguyễn Thương	Thương	03/09/1997					
19	K155905218025	Phạm Thị	Thúy	08/09/1997					
20	K155905218027	Vũ Văn	Trung	18/08/1997					

21	K155905218029	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1997					
22	K155905218030	Nguyễn Quốc	Việt	04/05/1997					
23	K155520201074	Nguyễn Trọng	Dương	11/10/1997					

Ấn định danh sách: 23 sinh viên

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nói

Lớp học phần: K51AP3

Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001

Phòng thi: A9.203

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	K155520103148	Nguyễn Văn	Công	08/01/1997					
2	K155520103232	Tạ Đình	Hào	04/07/1996					
3	K155520201240	Tường Duy	Tùng	09/06/1997					
4	K155520214001	Nguyễn Thành	Ân	23/05/1997					
5	K155905218002	Nguyễn Thanh	Bằng	01/06/1997					
6	K155905218003	Nguyễn Ngọc	Đại	16/02/1997					
7	K155905218006	Phạm Tấn	Hải	04/11/1997					
8	K155905218009	Nguyễn Trung	Hiếu	02/03/1997					
9	K155905218010	Phạm Xuân	Hòa	04/03/1997					
10	K155905218012	Nguyễn Việt	Hùng	22/01/1997					
11	K155905218013	Ngô Thành	Long	07/11/1997					
12	K155905218014	Nguyễn Hưng	Long	01/05/1997					
13	K155905218015	Phạm Doanh	Nghiêm	22/12/1997					
14	K155905218018	Trịnh Hồng	Quân	12/02/1997					
15	K155905218021	Nguyễn Thanh	Sơn	21/11/1997					
16	K155905218022	Vũ Quang	Thắng	20/10/1997					
17	K155905218023	Nguyễn văn	Thuận	25/12/1997					
18	K155905218024	Nguyễn Thương	Thương	03/09/1997					
19	K155905218025	Phạm Thị	Thúy	08/09/1997					
20	K155905218027	Vũ Văn	Trung	18/08/1997					

21	K155905218029	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1997					
22	K155905218030	Nguyễn Quốc	Việt	04/05/1997					
23	K155520201074	Nguyễn Trọng	Dương	11/10/1997					

Ấn định danh sách: 23 sinh viên

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nghe, đọc, viết
Lớp học phần: K51AP4
Ngày thi: 05/01/2016

Mã môn: ENG001

Phòng thi: A9.304

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	HQ1552020101	Thái Việt	Anh	18/11/1997					
2	HQ1552020102	Nguyễn Thị	Hằng	19/12/1997					
3	HQ1552020103	Nguyễn Đức	Mạnh	09/06/1996					
4	HQ1552020104	Nguyễn Văn	Phú	26/9/1997					
5	K155520103283	Đỗ Văn	Cường	14/1/1996					
6	K155520103284	Nguyễn Duy	Phong	05/05/1997					
7	K155520201062	Hoàng Thị Lan	Anh	25/05/1997					
8	K155520207114	Nguyễn Thị	Tươi	02/03/1997					
9	K155520207121	Giáp Thị	Anh	03/12/1997					
10	K155520216154	Nguyễn Văn	Hiền	18/03/1997					
11	K155580201006	Đoàn Văn	Duy	18/09/1997					
12	K155905218031	Trần Quang	Huy	20/4/1997					
13	K155905218032	Phạm Văn	Cường	09/11/1997					
14	K155905218034	Kiều Hoàng	Nam	09/01/1997					
15	K155905218035	Nguyễn Minh	Đức	25/12/1997					
16	K155905228040	Ngô Quang	Vũ	08/01/1997					
17	K155905228042	Nguyễn Văn	Hải	06/09/1997					
18	K155905228043	Lê Thanh	Hà	04/10/1996					
19	K155905228044	Hứa Đức	Huy	27/10/1997					

20	K155520103252	Vũ Phương	Nam	21/3/1997					
21	K155520207058	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/12/1997					
22	K155520207118	Nguyễn Tiến	Đạt	12/01/1997					
23	K155905218033	Nguyễn Minh	Hoàng	26/07/1997					

Ấn định danh sách: 23 sinh viên

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phương

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT

ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH DỰ THI
(Học kỳ I năm học 2015 - 2016)

Tên học phần: Kỹ năng nói

Mã môn: ENG001

Lớp học phần: K51AP4

Ngày thi: 05/01/2016

Phòng thi: A9.204

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm chữ	Đ. số	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
1	HQ1552020101	Thái Việt	Anh	18/11/1997					
2	HQ1552020102	Nguyễn Thị	Hằng	19/12/1997					
3	HQ1552020103	Nguyễn Đức	Mạnh	09/06/1996					
4	HQ1552020104	Nguyễn Văn	Phú	26/9/1997					
5	K155520103283	Đỗ Văn	Cường	14/1/1996					
6	K155520103284	Nguyễn Duy	Phong	05/05/1997					
7	K155520201062	Hoàng Thị Lan	Anh	25/05/1997					
8	K155520207114	Nguyễn Thị	Tươi	02/03/1997					
9	K155520207121	Giáp Thị	Anh	03/12/1997					
10	K155520216154	Nguyễn Văn	Hiền	18/03/1997					
11	K155580201006	Đoàn Văn	Duy	18/09/1997					
12	K155905218031	Trần Quang	Huy	20/4/1997					
13	K155905218032	Phạm Văn	Cường	09/11/1997					
14	K155905218034	Kiều Hoàng	Nam	09/01/1997					
15	K155905218035	Nguyễn Minh	Đức	25/12/1997					
16	K155905228040	Ngô Quang	Vũ	08/01/1997					
17	K155905228042	Nguyễn Văn	Hải	06/09/1997					
18	K155905228043	Lê Thanh	Hà	04/10/1996					
19	K155905228044	Hứa Đức	Huy	27/10/1997					

20	K155520103252	Vũ Phương	Nam	21/3/1997					
21	K155520207058	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/12/1997					
22	K155520207118	Nguyễn Tiến	Đạt	12/01/1997					
23	K155905218033	Nguyễn Minh	Hoàng	26/07/1997					

Ấn định danh sách: 23 sinh viên

NGƯỜI LẬP



Đinh Hồng Phương

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký/ ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



ThS. Đỗ Lệ Hà

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký/ ghi rõ họ tên)